

NỘI DUNG ÔN TỐT NGHIỆP MÔN GDCD

(Tuần từ 22/02 -> 05/03/2022)

I/ NỘI DUNG KIẾN THỨC CƠ BẢN

Bài 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

1. Bình đẳng giữa các dân tộc.

a) Thế nào là bình đẳng giữa các dân tộc?

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hoá, không phân biệt chủng tộc, màu da ... đều được NN và PL tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.

b) Nội dung quyền BD giữa các dân tộc.

- Trong lĩnh vực chính trị:

- + Quyền tham gia quản lý Nhà nước, XH
- + Tham gia vào bộ máy Nhà nước
- + Tham gia thảo luận, góp ý những vấn đề chung của cả nước

- Trong lĩnh vực kinh tế:

- + Chính sách KT của Nhà nước không phân biệt giữa các DT
- + Nhà nước đầu tư phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc.
- + Ban hành các chương trình phát triển KT-XH đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, miền núi...

- Trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục:

- + Các DT có quyền dùng tiếng nói, chữ viết riêng
- + Những phong tục tập quán, truyền thống văn hoá tốt đẹp của từng dân tộc được bảo tồn và phát huy.
- + Công dân thuộc các dân tộc khác nhau ở Việt Nam được nhà nước tạo mọi điều kiện để được BD về cơ hội học tập.

c) Ý nghĩa quyền BD giữa các dân tộc.

- Là cơ sở đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Là sức mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước

2. Bình đẳng giữa các tôn giáo.

a) Khái niệm bình đẳng giữa các tôn giáo.

- Tín ngưỡng: là niềm tin tuyệt đối, không chứng minh vào sự tồn tại của những bản chất siêu nhiên.

- Tôn giáo: là một hình thức tín ngưỡng có tổ chức, với những quan niệm, giáo lý thể hiện sự tín ngưỡng và những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái tín ngưỡng ấy.

- Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở VN đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, những nơi thờ tự, tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

b. Nội dung quyền BD giữa các tôn giáo

- Các tôn giáo được nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.
- Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo được nhà nước bảo đảm, các cơ sở tôn giáo được pháp luật bảo hộ

c. Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

- Là cơ sở, tiền đề quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc
- Thúc đẩy tinh thần đoàn kết keo sơn gắn bó nhân dân VN
- Tạo thành sức mạnh của cả dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước.

II/ CÂU HỎI LUYỆN TẬP

Chủ đề: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

- Câu 1:** Pháp luật quy định: “Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình”, là nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực nào dưới đây?
A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Văn hóa. D. Giáo dục.
- Câu 2:** Công dân thuộc các dân tộc khác nhau cùng tham gia vào việc thảo luận, đóng góp ý kiến cho Luật Giáo dục sửa đổi. Điều này thể hiện các dân tộc bình đẳng trong lĩnh vực nào dưới đây?
A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Văn hóa. D. Giáo dục.
- Câu 3:** Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội do Nhà nước ban hành đối với các vùng đồng bào dân tộc và miền núi là thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực nào dưới đây?
A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Giáo dục. D. Văn hóa.
- Câu 4:** Việc đảm bảo tỉ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực nhà nước thể hiện quyền bình đẳng giữa các
A. dân tộc. B. công dân. C. vùng, miền. D. cơ quan của Nhà nước.
- Câu 5:** Việc Nhà nước có chính sách học bổng và ưu tiên cho học sinh người dân tộc thiểu số vào các trường cao đẳng, đại học là nhằm thực hiện bình đẳng
A. giữa miền ngược với miền xuôi. B. giữa các thành phần dân cư.
C. giữa các dân tộc. D. trong học sinh phổ thông.
- Câu 6:** Công dân thuộc các dân tộc khác nhau đều được tham gia quản lý nhà nước và xã hội là biểu hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực nào dưới đây?
A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Văn hóa. D. Giáo dục.
- Câu 7:** Các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hóa, không phân biệt chủng tộc, màu da...đều được nhà nước và pháp luật
A. tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển. B. hỗ trợ, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.
C. quan tâm, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển. D. đãi ngộ, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.
- Câu 8:** Điều 27 Hiến pháp 2013 quy định:“Công dân không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo... đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật”. Điều này thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực nào dưới đây?
A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Văn hóa. D. Giáo dục.
- Câu 9:** Ở nước ta, nguyên tắc nào dưới đây là quan trọng hàng đầu trong hợp tác, giao lưu giữa các dân tộc?
A. Bình đẳng giữa các vùng miền. B. Bình đẳng giữa các tôn giáo.
C. Bình đẳng giữa các dân tộc. D. Bình đẳng giữa các công dân.
- Câu 10:** Thực hiện bình đẳng về chính trị, các dân tộc thiểu số và đa số trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu trong các cơ quan nào dưới đây?
A. Nhà nước. B. Quốc hội. C. Chính phủ. D. Tòa án.
- Câu 11:** Nhà nước ta thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc nhằm khắc phục
A. sự phân hóa giàu nghèo giữa các DT.
B. khoảng cách về trình độ phát triển KT giữa các DT.
C. trình độ phát triển quá thấp của một số DT.
D. sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các DT.
- Câu 12:** Xã X là xã vùng cao, dân cư chủ yếu là người dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế xã hội còn gặp nhiều khó khăn. Do vậy, nhà nước có chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với xã này. Chính sách này thể hiện quyền bình đẳng giữa các
A. vùng miền. B. dân tộc. C. công dân. D. cá nhân.
- Câu 13:** Việc làm nào dưới đây **không** phân biệt đối xử giữa các dân tộc?
A. Chê cười khi thấy người dân tộc mặc trang phục truyền thống.
B. Không bỏ phiếu bầu chỉ vì đó là người dân tộc thiểu số.
C. Mỗi dân tộc đều có tiết mục biểu diễn trong ngày hội văn hóa các dân tộc của huyện.

D. Ngăn cản dân tộc khác trong các hoạt động tại nơi sinh sống của dân tộc mình.

Câu 14: Câu ca dao sau nói đến điều gì về bình đẳng giữa các dân tộc?

"Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng"

- A. Cùng nhau gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.
- B. Tinh thần tương trợ về kinh tế giữa các dân tộc.
- C. Sự đoàn kết, yêu thương giữa các dân tộc.
- D. Đời sống tình cảm của con người.

Câu 15: Hoạt động nào sau đây thể hiện hoạt động tín ngưỡng?

- A. Thờ cúng tổ tiên.
- B. Xem bói.
- C. Đốt vía.
- D. Rút quẻ đầu năm.

Câu 16: Hoạt động tưởng niệm người có công với đất nước là hoạt động

- A. tôn giáo.
- B. mê tín dị đoan.
- C. tín ngưỡng.
- D. vi phạm pháp luật.

Câu 17: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân có tôn giáo?

- A. Sống khép kín không giao lưu, hợp tác với các công dân không có tôn giáo.
- B. Chỉ thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân khi có sự đồng ý của các chức sắc, tôn giáo.
- C. Tôn trọng lẫn nhau giữa công dân thuộc tôn giáo khác nhau và không có tôn giáo.
- D. Sẵn sàng làm các việc trái với quy định của pháp luật để bảo vệ tôn giáo của mình.

Câu 18: Việc truyền bá, thực hành giáo lí, giáo luật, lễ nghi, quản lí tổ chức của tôn giáo là

- A. hoạt động tín ngưỡng.
- B. tổ chức tín ngưỡng.
- C. hoạt động tôn giáo.
- D. hoạt động mê tín.

Câu 19: Theo quy định của pháp luật, công dân thuộc các tôn giáo khác nhau

- A. đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân.
- B. đều được hưởng mọi quyền lợi như nhau.
- C. đều phải thực hiện giáo lí của tôn giáo mình.
- D. được đối xử khác nhau phụ thuộc vào tôn giáo mình.

Câu 20: Các tôn giáo được nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo

- A. quy định của pháp luật.
- B. phong tục tập quán.
- C. tín ngưỡng dân gian.
- D. quan niệm đạo đức.

Câu 21: Trường hợp nào sau đây thể hiện đúng nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

- A. Công dân không được theo bất cứ tôn giáo nào.
- B. Người theo tôn giáo phải trung thành với tôn giáo của mình.
- C. Mỗi tôn giáo có chủ trương, chính sách riêng.
- D. Các tôn giáo được tự do hoạt động trong khuôn khổ của PL.

Câu 22: Nội dung nào dưới đây là ý nghĩa của việc thực hiện bình đẳng giữa tôn giáo?

- A. Tạo nên sức mạnh cho các tôn giáo.
- B. Là cơ sở tiền đề quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- C. Xây dựng phát triển tôn giáo của mình.
- D. Tạo điều kiện để các tôn giáo nhỏ phát triển và lớn mạnh.

Câu 23: Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước

- A. bảo trợ.
- B. bảo hộ.
- C. bảo đảm.
- D. bảo vệ.

Câu 24: Cơ sở nào sau đây **không** phải là cơ sở tôn giáo ?

- A. Thiền viện.
- B. Chùa.
- C. Từ đường của dòng họ.
- D. Nhà thờ.

Câu 25: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc không bao gồm nội dung nào dưới đây ?

- A. Bình đẳng về chính trị.
- B. Bình đẳng về xã hội.
- C. Bình đẳng về kinh tế.
- D. Bình đẳng về văn hóa, giáo dục.

Câu 26: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở của đại đoàn kết dân tộc, là sức mạnh đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Khẳng định này thể hiện

- A. mục đích của bình đẳng giữa các dân tộc.

- B. ý nghĩa của bình đẳng giữa các dân tộc.
- C. mục tiêu của bình đẳng giữa các dân tộc.
- D. vai trò của bình đẳng giữa các dân tộc.

Câu 27: Trong buổi biểu diễn văn nghệ, nhà trường khuyến khích các em học sinh người dân tộc thiểu số hát các bài hát và diễn các điệu múa đặc sắc của dân tộc mình. Việc làm của nhà trường là thể hiện

- A. quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- B. chủ trương khuyến khích hoạt động văn hóa, văn nghệ.
- C. bản sắc của riêng từng dân tộc.
- D. công dân bình đẳng trước pháp luật.

Câu 28: Trong ngày hội đoàn kết các dân tộc, để thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc mình, em sẽ lựa chọn trang phục nào đây để tham dự?

- A. Đẹp nhất và hợp một nhất.
- B. Truyền thống dân tộc mình.
- C. Truyền thống của dân tộc khác.
- D. Ưng ý nhất vì nó phù hợp.

Câu 29: Khẩu hiệu “Tốt đời đẹp đạo” phản ánh đúng trách nhiệm đối với đạo pháp và đất nước của công dân có

- A. tôn giáo.
- B. tín ngưỡng.
- C. tự do.
- D. truyền thống.

Câu 30: Khi nói về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, ông cha ta có các truyền thuyết: Con Rồng, cháu Tiên, một gốc nhiều cành. Điều này nhằm giáo dục về

- A. đoàn kết giữa các dân tộc.
- B. tự do giữa các dân tộc.
- C. đoàn kết giữa các tôn giáo.
- D. bình đẳng giữa các tôn giáo.

Câu 31: Anh A muốn kết hôn với chị H nhưng bố chị H không đồng ý vì gia đình anh A theo đạo. Hành vi của bố chị H là

- A. lạm dụng quyền hạn là bố.
- B. không thiện chí với tôn giáo khác.
- C. phân biệt đối xử vì lí do tôn giáo.
- D. không tôn trọng tôn giáo.

Câu 32: Hoạt động nào sau đây là hoạt động tôn giáo ?

- A. Thờ cúng tổ tiên.
- B. Cúng ông Táo.
- C. Đại lễ cầu siêu.
- D. Tảo mộ tiết thanh minh.

Câu 33: Tôn giáo nào sau đây ra đời ở Việt Nam?

- A. Đạo Cao đài.
- B. Đạo Hồi.
- C. Phật giáo.
- D. Thiên chúa giáo.

Câu 34: Hành vi ăn cắp cổ vật và phá hoại cảnh quan đền chùa thuộc loại vi phạm nào sau đây?

- A. Kỉ luật nhà chùa.
- B. Hành chính.
- C. Hình sự.
- D. Dân sự.

Câu 35: Hành vi nào dưới đây là hành vi thực hiện đúng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?

- A. Thông qua hoạt động tín ngưỡng tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan.
- B. Xây dựng cơ sở thờ tự, lập điện thờ, miếu mạo trục lợi, truyền giảng đạo trái phép.
- C. Vận động, hướng dẫn các tín đồ tham gia phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.
- D. Tuyên truyền chia rẽ dân tộc, chia rẽ các tôn giáo thông qua sinh hoạt tôn giáo của mình.

Câu 36: Lễ hội “chơi trâu” hàng năm được tổ chức ở Đồ Sơn - Hải Phòng nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Khuyến khích người dân tham gia trò chơi dân gian.
- B. Khuyến khích người dân nuôi trâu khỏe để tăng gia sản xuất.
- C. Quảng bá hình ảnh thành phố để thu hút khách du lịch.
- D. Kế thừa phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc.

Câu 37: Nhận định nào sau đây là **sai** khi nói về trách nhiệm của đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo?

- A. Sống tốt đời, đẹp đạo, giáo dục cho các tín đồ lòng yêu nước.
- B. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân và ý thức chấp hành pháp luật.
- C. Trung thành với tôn giáo mình đã theo, không được bỏ để theo tôn giáo khác.
- D. Tôn trọng lẫn nhau và tôn trọng những người không theo tôn giáo.

Câu 38: Việc làm nào dưới đây **sai**, cần phải phê phán?

- A. Dụ dỗ đồng bào bỏ tôn giáo của mình đi theo tôn giáo khác.
- B. Tổ chức các lớp học giáo lí cho người theo đạo.
- C. Vận động đồng bào có đạo tham gia giữ gìn an ninh trật tự.
- D. Hàng tháng đi lễ chùa đều đặn vào ngày mùng một và ngày rằm.

Câu 39: Nhận xét nào dưới đây phù hợp về tình hình tôn giáo ở nước ta?

- A. Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo.
- B. Việt Nam là một quốc gia chỉ có một tôn giáo tồn tại.
- C. Ở Việt Nam chỉ có Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo.
- D. Ở Việt Nam mọi người đều theo tôn giáo.

Câu 40: Khẳng định nào dưới đây thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

- A. Công dân chỉ cần tôn trọng tôn giáo của mình.
- B. Công dân không được tự ý bỏ tôn giáo.
- C. Công dân thuộc các tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau.
- D. Công dân phải bảo vệ tôn giáo của mình.

----- Hết -----